TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày: 12-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Công Gia

2.Bà Trần Thị Yến Nhi.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST–HS ngày 27 tháng 3 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị Hồng L,** sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H, sinh năm 1961 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1956; chồng: Tô Văn Ph1 (đã chết), có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/6/2021 bị Công an xã A, huyện Ph xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 1.500.000 đồng.

Nhân thân:

+ Ngày 15/7/2022, tại Quyết định số 215/CQĐT-ĐTTH bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú khởi tố bị cáo về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 15/10/2022, tại Quyết định số 58/QĐ-XPHC bị Công an xã A, huyện Ph xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2023 *(có mặt)*.

2. Lương Thị Thu C, sinh năm 1986, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lương Ngọc M, sinh

năm 1954 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1961; Chồng: Thái Hữu Ph2, sinh năm 1983, con: 05 người con, lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 15/1/2022, tại Quyết định số 213/CQĐT-ĐTTH bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú khởi tố bị cáo về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản tại Điều 121 Độ luật Hình sự.

+ Ngày 15/10/2022, tại Quyết định số 56/QD-XPHC bị Công an xã A, huyện Ph xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép.

Bị cáo tại ngoại *(Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

3. **Trần Ngọc Q (Tên gọi khác: Tèo)**, sinh năm 1980, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn S1 (đã chết) và bà Lương Ngọc Á, sinh năm 1952; vợ Trần Thị K1, sinh năm 1978; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 24/9/2007, tại Bản án số 297/2007/HSPT bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 15/7/2022, tại Quyết định số 215/CQĐT-ĐTTH bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú khởi tố bị cáo về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 15/10/2022, tại Quyết định số 57/QĐ-XPHC bị Công an xã A, huyện Ph xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2023 *(có mặt).*

4. **Lưu L1,** sinh năm 1996, tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khơ Me; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Lưu B2, sinh năm 1967 và bà Thạch Thị S, sinh năm 1966; vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại *(Có mặt).*

5. **Bùi Xuân B,** sinh năm 1986, tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ khoan giếng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Bùi Xuân H3, sinh năm 1955 và bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1958; Vợ: Đinh Thị D2, sinh năm 1988, con có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại *(có mặt).*

6. **Lương Thị Ngọc D,** sinh năm 1966, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lương Ngọc A1 (đã chết) và bà Trần Thị Tr (đã chết); chồng: Thái Thành Ph3 (đã chết), con 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

7. **Lương Thị Tuyết N,** sinh năm 1964, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Lương Ngọc A1 (đã chết) và bà Trần Thị Tr (đã chết); chồng: Thạch D3, sinh năm 1968, con 06 con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 09/11/2022 đến ngày 21/11/2022, hiện nay bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

8. **Lương Thị Ngọc L2,** sinh năm 1958, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lương Ngọc A1 (đã chết) và bà Trần Thị Tr (đã chết); chồng: Huỳnh Văn B4, sinh năm 1957, con 07 con, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

Người làm chứng:

Ông Huỳnh Văn B4, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Ông Thạch D3, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07/3/2022, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L rủ nhau đến nhà Lương Thị Ngọc L2 thuộc ấp 1, xã T, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai để đánh bạc trái phép bằng hình chơi bài cào liêng 3 lá. Hình thức chơi là dùng bộ bài tây 52 lá, chia mỗi người 3 lá, đặt cược mỗi ván là 20.000 đồng, sau khi chia bài thì được quyền tố thêm ít nhất là 20.000 đồng, nhiều nhất là 200.000 người có điểm cao nhất là người thắng toàn bộ số tiền. Người thắng bài sẽ đưa cho L2 số tiền sâu là 29.000 mỗi ván. Quá trình đánh bạc ngoài Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lương Thị Ngọc L2 thì có thêm những người tham gia đánh bạc cụ thể như sau Lương Thị Ngọc D, Lưu Lê, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N. Số tiền các bị cáo sử dụng vào muc đích đánh bạc như sau: Trần Thị Hồng L 6.500.000 đồng, Lương Thị Thu C 500.000 đồng, Lương Thị Ngọc L2 300.000 đồng, Lưu L1 1.600.000 đồng, Trần Ngọc Q 170.000 đồng, Bùi Xuân B 350.000 đồng, Lương Thị Ngọc D 200.000 đồng, Lương Thị Tuyết N 100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị

Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.720.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo nghỉ không tiếp tục đánh bạc nữa. Đến 16 giờ cùng ngày, Công an xã T tiếp nhân tin báo của quần chúng nhân dân nên tiến hành kiểm tra hành chính và mời các bị cáo Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Lương Thị Ngọc L2 về trụ sở làm việc. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú để điều tra theo thẩm quyền. Tai cơ quan điêu tra các bị cáo đều thừa nhện hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tây, 01 chiếu cói, số tiền 5.277.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKSTP-ĐN ngày 04 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Các bị cáo Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 về tội "Đánh bạc".

Về mức hình phạt: - Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc Q, Trần Thị Hồng L, Lương Thị Thu C. Bị cáo C được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt:

+ Trần Ngọc Q từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

+ Trần Thị Hồng L từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

+ Lương Thị Thu C từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu L1, Bùi Xuân B, Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2.

Đề nghị xử phạt:

+ Lưu L1 từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng).

+ Bùi Xuân B từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng).

+ Lương Thị Ngọc D từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng).

+ Lương Thị Tuyết N từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng).

+ Lương Thị Ngọc L2 từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 5.277.000 đồng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây, 01 chiếu cói là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng mô tả và không tranh luận, bào chữa cho hành vi của mình. Các bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Lương Thị Thu C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do mới sinh con vào ngày 02/4/2023 không thể đi lại được, không thể ngồi lâu vì còn đau vết mổ được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Hoàng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng mô tả. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 07/3/2022, tại nhà Lương Thị Ngọc L2, thuộc ấp 1, xã T, huyện Ph, tỉnh Đồng Nai, Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hình thức chơi bài cào liêng 3 lá với số tiền là 9.720.000 đồng thì bị Công an xã T, huyện Ph phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Lưu L1, Bùi Xuân B, Trần Ngọc Q, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn gây bất bình trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải xét xử và áp dụng cho các bị

cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lưu L1, Bùi Xuân B, Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Trần Ngọc Q, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Lương Thị Thu C trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là phụ nữ có thai nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[5.3] Về nhân thân: Các bị cáo B, L1, D, N, L2 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Trần Ngọc Q, có nhân thân xấu.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ.

[7] Về áp dụng hình phạt: Bị cáo B, L1, D, N, L2 phạm tội ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Các bị cáo Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L, Trần Ngọc Q, có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Về mức hình phạt, bị cáo L sử dụng số tiền đánh bạc 6.500.000 đồng và là người có một tiền sự về hành vi đánh bạc nên mức hình phạt của bị cáo L phải cao hơn bị cáo Q, bị cáo C; bị cáo Q là người từng bị Tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo C có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó mức hình phạt của bị cáo Q sẽ cao hơn bị cáo C.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo, vừa thể hiện sự nghiêm minh và sự khoan hồng của chính sách pháp luật.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 5.277.000 đồng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây, 01 chiếu cói là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

[9] Vào ngày 07/3/2022 bị cáo Lưu L1 cho rằng có cầm cố 01 điện thoại cho bị cáo L2 để tiếp tục đánh bạc. Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã tiến hành trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú để tiến hành khởi tố, truy tố đối với Lương Thị Ngọc L2 về hành vi "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" theo quy định của pháp luật. Nhưng quá trình làm việc, bị cáo L2 không thừa nhận việc nhận cầm cố điện thoại cho bị cáo L1 với số tiền 1.500.000 đồng. Vì có mâu thuẫn giữa các lời khai, nên Viên kiểm sát đã tiến hành đối chất để làm rõ. Qua đối chất, bị cáo L2 tiếp tục không thừa nhận việc nhận cầm cố điện thoại cho bị can L1 với số tiền 1.500.000 đồng. Như vậy, ngoài lời khai của bị cáo Lưu L1 thì không còn chứng cứ nào khác để khẳng định việc bị cáo Lương Thị Ngọc L2 thực hiện việc cầm cố tài sản cho người khác tham gia đánh bạc. Vì vậy, không đủ cơ sở để khởi tố, truy tố đối với Lương Thị Ngọc L2 về hành vi "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc".

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Trần Ngọc Q, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L. Bị cáo C được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc Q, Lương Thị Thu C, Trần Thị Hồng L phạm tội "Đánh bạc".

1. Xử phạt:

- Trần Thị Hồng L 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/4/2023.

- Trần Ngọc Q 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/4/2023.

- Lương Thị Thu C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lưu L1, Bùi Xuân B, Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2.

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu L1, Bùi Xuân B, Lương Thị Ngọc D, Lương Thị Tuyết N, Lương Thị Ngọc L2 phạm tội "Đánh bạc".

2. Xử phạt:

- Lưu L1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Bùi Xuân B 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Lương Thị Ngọc D 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Lương Thị Tuyết N 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Lương Thị Ngọc L2 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.277.000 đồng *(Theo biên lai thu tiền số 0000165 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).*

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây, 01 chiếu cói. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo B, L1, D, N, L2, Q, L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị cáo C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Bá Đại